

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2020/HNGĐ - ST  
Ngày: 22 - 9- 2020  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Đức Trí

Ông Trịnh Văn Thọ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Lê Diệu Linh. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T .

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2020/TLST/HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T ; Sinh năm 1997. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Đ xã Đ , huyện B , tỉnh T

*2. Bị đơn:* Anh Võ Bá Đ ; Sinh năm 1992. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Q 2 xã X , huyện T , tỉnh T .

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/2016 tại UBND xã X , huyện T , tỉnh T . Sau khi cưới thì vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chồng, tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Tháng 11/2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ không tu chí làm ăn, có tính vũ phu bạo lực, thường xuyên đánh đập vợ. Tháng 9/2019 mâu thuẫn trầm trọng, chị T bỏ về chung sống cùng bố mẹ đẻ và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ .

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Võ Chí A , sinh ngày 26/12/2015. Hiện nay con chung đang ở với anh Đ . Nguyên vọng của chị T để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Võ Bá Đ vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 04/9/2020 anh Võ Bá Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đ và chị T có đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/2016 tại UBND xã X , huyện T , tỉnh T . Sau khi cưới thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau. Nay chị T xin ly hôn thì anh Đ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Võ Chí A , sinh ngày 26/12/2015. Hiện nay con chung đang ở với anh Đ . Anh Đ có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không yêu cầu giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Anh Võ Bá Đ đã nhận được các Văn bản tố tụng do Tòa án giao. Anh Đ có Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ vào khoản 4 điều 207 không tiến hành hòa giải. HĐXX căn cứ vào khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Võ Bá Đ .

[ 2 ]. Về nội dung:

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Võ Bá Đ là hôn nhân hợp pháp tại vì anh chị đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Chị T yêu cầu ly hôn, anh Đ đồng ý ly hôn. Anh Đ cũng công nhận quá trình chung sống anh chị không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Anh Đ yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. HĐXX xét thấy cuộc hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý hôn giữa anh chị là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Võ Chí A , sinh ngày 26/12/2015. Hiện nay con chung đang ở với anh Đ . Nguyên vọng của chị T để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung thành niên. Nguyên vọng của anh Đ yêu cầu được nuôi con chung và không yêu

cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy cả hai anh chị đều thống nhất về việc nuôi con chung; Mặt khác từ ngày chị T bỏ về chung sống cùng bố mẹ đẻ thì con chung đang ở với anh Đ ổn định cuộc sống nên HĐXX căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Võ Chí A cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung thì HĐXX thấy rằng: Mặc dù anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung thành niên. Hiện tại chị Thu nghề kinh doanh điện thoại với mức thu nhập 8.000.000đ/tháng nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị T.

Về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tố tụng: Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Xét xử vắng mặt bị đơn là anh Võ Bá Đ.
2. Về hôn nhân: Căn cứ vào điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;  
Xử lý hôn giữa chị Lê Thị T và anh Võ Bá Đ.
3. Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Giao con chung là cháu Võ Chí A, sinh ngày 26/12/2015 cho anh Võ Bá Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lê Thị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung thành niên. Chị Lê Thị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ án phí DSST và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng = 600.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2019/0006053 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án huyện T. Chị T phải nộp tiếp số tiền 300.000đ.

Chị Lê Thị T được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Võ Bá Đ được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát ND huyện T
- Các DS
- UBND xã X huyện T  
tỉnh T
- Thi hành án DS huyện T
- Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Hằng**